

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2020/DS-ST

Ngày 30/9/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Vịnh và bà Cấn Thị Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-DS ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N.

Địa chỉ: 201- 203 đường C, phường 4, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức L, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của C ty TNHH một thành viên Q - Ngân hàng Thương mại cổ phần N, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 54/2019/UQ ngày 03/6/2019 của Chủ tịch C ty TNHH một thành viên Q).

Địa chỉ: 97 B, phường N, Quận A, TP. Hồ Chí Minh - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Cao Văn C, sinh năm: 1984; vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Đức L người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 27/03/2017, ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0410/2017/502-CV và Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017; Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0410/2017/502-CV và Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017 để vay tiền của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ cụ thể như sau:

Tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0410/2017/502-CV: Số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay đầu tư

sản xuất nông nghiệp (chăm sóc cây Cà Phê, Hồ Tiêu, ...), lãi suất thỏa thuận 10.7 %/năm; thời hạn vay không quá 12 tháng, thời hạn trả nợ ngày 31/3/2018, lãi suất quá hạn 17,55%/ năm.

Tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0419/2017/502-CV: Số tiền vay gốc: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*); thời hạn vay: 48 tháng; mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục phục vụ sản xuất nông nghiệp (trồng mới Tiêu, Bơ, cây Sầu Riêng và đầu tư C cụ sản xuất nông nghiệp); lãi suất: 10.7 %/năm; thời hạn trả nợ là trả theo kỳ, ngày đáo hạn 31/3/2021, số tiền gốc đã trả đối với hợp đồng này là 30.000.000 đồng.

Số nợ trên ông C và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP N. Vì vậy, Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Cao Văn C – bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký là 1.140.980.768 đồng, trong đó: Tiền gốc: 770.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 76.614.257 đồng, lãi quá hạn 281.027.055 đồng, lãi phạt chậm trả 13.339.456 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020.

Kể từ ngày 01/10/2020 ông Cao Văn C – bà Nguyễn Thị T phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Cao Văn C – bà Nguyễn Thị T vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0322/2017/502-BĐ ngày 27/3/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, các tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

Tài sản 1: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 104, diện tích đất thế chấp 2401 m², địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CA 978067, số vào sổ cấp GCN: CH 01791 do UBND huyện Đ cấp ngày 15/12/2015;

Tài sản 2: Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 104, diện tích đất thế chấp 21585 m², địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 341671, số vào sổ cấp GCN: CH 02080 do UBND huyện Đ cấp ngày 03/09/2014.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản hợp pháp khác của ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, các đương sự đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo các văn bản tố tụng mà Tòa án niêm yết. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm

phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc 770.000.000 đồng và các khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký là 1.140.980.768 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: Tiền gốc: 770.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 76.614.257 đồng, lãi quá hạn 281.027.055 đồng, lãi phạt chậm trả 13.339.456 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020. Hiện nay, ông C và bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua xác minh tại địa phương nơi ông C và bà T có Hộ khẩu và sinh sống tại địa phương nhưng đi làm ăn đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lập biên bản không tổng đạt trực tiếp được nên đã niêm yết cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng ông C và bà T không có mặt tại Tòa án làm việc như thông báo. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ các Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0410/2017/502-CV và Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017; Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0410/2017/502-CV và Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017, tính đến ngày xét xử ông C và bà T còn nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền gốc và lãi là 1.140.980.768 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: Tiền gốc là 770.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 76.614.257 đồng, lãi quá hạn 281.027.055 đồng, lãi phạt chậm trả 13.339.456 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020. Do ông C và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N là có căn cứ nên chấp nhận (*có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử*).

[3.2] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0322/2017/502-BĐ ngày 27/3/2017, ông C và bà T thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay được lập thành văn bản, đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích cấp cho ông C và bà T theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông C và bà T không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng TMCP N quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.4] Kể từ ngày 01/10/2020, ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0410/2017/502-CV và Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017; Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0410/2017/502-CV và Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

[3.5] Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản hợp pháp khác của ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ cho đến khi thanh toán xong.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP N đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên cần buộc ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T phải chịu và hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.000.000 đồng.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.140.980.768 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*) = 36.000.000 đồng + (3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (là 340.890.768 đồng x 3%) = 10.226.500 đồng (Làm tròn). Tổng cộng án phí phải chịu là: 36.000.000

đồng + 10.226.723 đồng = 46.226.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền gốc và lãi vay theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký là 1.140.980.768 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: Tiền gốc là 770.000.000 đồng (*Bảy trăm bảy mươi triệu đồng*); tiền lãi trong hạn 76.614.257 đồng, lãi quá hạn 281.027.055 đồng, lãi phạt chậm trả 13.339.456 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 30/9/2020.

Kể từ ngày 01/10/2020, ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0410/2017/502-CV và Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: 0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017; Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0410/2017/502-CV và Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0419/2017/502-CV ngày 27/03/2017 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T không trả nợ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0322/2017/502-BĐ ngày 27/3/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, các tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

Tài sản 1: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 104, diện tích đất thế chấp 2401 m², địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CA 978067, số vào sổ cấp GCN: CH 01791 do UBND huyện Đ cấp ngày 15/12/2015;

Tài sản 2: Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 104, diện tích đất thế chấp 21585 m², địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 341671, số vào sổ cấp GCN: CH 02080 do UBND huyện Đ cấp ngày 03/09/2014.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản hợp pháp khác của ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ cho đến khi thanh toán xong.

3. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), buộc ông Cao Văn C và bà

Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T phải nộp 46.226.500 đồng đồng (*Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 20.313.000 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm mười ba nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002188 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà